

**TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT**

Thời gian 01/05/2025 - 31/05/2025

Bộ phận

Người lập

Chức vụ

**BÁO CÁO THÔNG SỐ TRẠM QUAN TRẮC TỰ ĐỘNG LIÊN TỤC NƯỚC THẢI ĐẦU RA CỦA HỆ THỐNG XỬ
LÝ NƯỚC THẢI NHÀ GA QUỐC TẾ T2**

Thông số theo QCVN 14:2008//BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K=1,0)

Bảng thống kê số liệu quan trắc tháng 5 năm 2025

Thông số	Total2 (Trạm 1) (m3)	Total1 (Trạm 1) (m3)	FlowOut (Trạm 1) (m3/h)	Flow In2 (Trạm 1) (m3/h)	Flow In1 (Trạm 1) (m3/h)	NH4 (Trạm 1) (mg/l)	Temp (Trạm 1) (oC)	TSS (Trạm 1) (mg/l)	Ph (Trạm 1)	COD (Trạm 1) (mg/l)
Tháng 05 năm 2025										
01/05	162945,61	77528,32	82,99	50,48	18,55	7,37	28,60	75,83	7,35	37,51
02/05	164120,56	77931,92	76,00	52,79	17,53	7,35	28,60	73,72	7,38	37,52
03/05	165404,34	78407,60	77,28	52,67	21,20	7,40	28,60	75,83	7,31	37,49

Thông số	Total2 (Trạm 1) (m3)	Total1 (Trạm 1) (m3)	FlowOut (Trạm 1) (m3/h)	Flow In2 (Trạm 1) (m3/h)	Flow In1 (Trạm 1) (m3/h)	NH4 (Trạm 1) (mg/l)	Temp (Trạm 1) (oC)	TSS (Trạm 1) (mg/l)	Ph (Trạm 1)	COD (Trạm 1) (mg/l)
04/05	166532,10	78882,66	70,08	43,87	20,52	7,34	28,60	75,82	7,26	37,46
05/05	167733,08	79418,82	71,32	52,45	21,07	7,35	28,60	75,83	7,32	37,49
06/05	168974,29	79877,78	71,49	54,20	16,43	7,35	28,60	75,28	7,32	37,49
07/05	170475,99	80164,52	60,43	61,99	14,51	7,38	28,60	74,70	7,37	37,52
08/05	171942,35	80767,87	77,88	55,18	24,99	7,38	28,60	73,63	7,18	37,44
09/05	173111,99	81319,41	77,39	52,71	26,37	7,33	28,60	65,92	7,09	37,38
10/05	174225,89	81885,00	61,85	39,83	21,52	7,37	28,60	54,25	7,17	37,42
11/05	175288,19	82445,58	67,47	47,14	23,11	7,36	28,60	53,15	7,14	37,42
12/05	176264,08	82962,75	58,86	37,70	22,50	7,39	28,60	71,69	7,17	37,42
13/05	177279,25	83529,71	72,50	48,42	25,69	7,32	28,60	54,88	7,25	37,46
14/05	178426,93	84123,21	69,33	45,17	21,78	7,33	28,60	58,50	7,25	37,46
15/05	179618,56	84682,44	72,60	50,61	24,12	7,39	28,60	40,43	7,05	37,36
16/05	180736,76	85241,27	61,52	43,44	22,80	7,34	28,60	47,49	7,06	37,36
17/05	181709,55	85786,50	61,01	40,76	23,86	7,41	28,60	54,25	7,20	37,45
18/05	182647,92	86332,08	66,12	43,60	21,83	7,37	28,60	43,93	7,09	37,38
19/05	183987,27	86824,03	69,62	56,54	17,74	7,32	28,60	25,73	6,94	37,30
20/05	185166,34	87234,75	61,10	44,45	17,65	7,31	28,60	29,87	6,81	37,24
21/05	186252,06	87769,55	68,79	45,54	25,09	7,38	28,60	29,76	6,77	37,22

Thông số	Total2 (Trạm 1) (m3)	Total1 (Trạm 1) (m3)	FlowOut (Trạm 1) (m3/h)	Flow In2 (Trạm 1) (m3/h)	Flow In1 (Trạm 1) (m3/h)	NH4 (Trạm 1) (mg/l)	Temp (Trạm 1) (oC)	TSS (Trạm 1) (mg/l)	Ph (Trạm 1)	COD (Trạm 1) (mg/l)
22/05	187204,93	88313,56	66,46	41,56	23,90	7,33	28,60	39,35	6,69	37,18
23/05	188220,61	88878,78	64,35	41,66	22,76	7,39	28,60	52,87	6,68	37,18
24/05	189284,17	89358,79	59,09	44,90	13,60	7,39	28,60	59,27	6,69	37,18
25/05	190380,15	89724,62	66,13	47,63	19,02	7,38	28,60	62,08	6,89	37,27
26/05	191444,86	90223,22	65,53	39,32	21,88	7,34	28,60	64,93	6,73	37,20
27/05	192488,66	90807,59	66,43	42,73	24,13	7,37	28,60	48,97	6,21	36,94
28/05	193415,87	91321,38	58,61	39,93	21,06	7,31	28,60	47,08	6,20	36,93
29/05	194515,99	91910,63	71,69	48,43	26,42	7,37	28,60	39,86	6,23	36,95
30/05	195524,49	92463,79	61,40	39,47	21,32	7,33	28,60	35,17	6,00	36,83
31/05	196587,57	93040,98	68,62	44,01	24,44	7,40	28,60	37,08	6,28	36,97
Trung bình tháng 05	180384,21	85134,16	67,87	46,75	21,53	7,36	28,60	55,39	6,94	37,30
Giá trị giới hạn theo QCVN 14:2008//BTN MT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K=1,0)	2.250 m3/ngày					10		100	5-9	